

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2008/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh,
cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005 số 60/2005/QH 11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Nghị định 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Nghị quyết số 102/2007/NQ-HĐND ngày 07/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về thu Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai; Phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô; Lệ phí cấp biển số nhà; Lệ phí cấp giấy phép xây dựng; Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 13/SKHĐT-ĐKKD ngày 03/01/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi áp dụng:

Áp dụng đối với công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng thu lệ phí:

Các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các đơn vị kinh tế trực thuộc doanh nghiệp (gồm chi nhánh và văn phòng đại diện) hộ kinh doanh có yêu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động, khai thác thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Đối tượng được miễn nộp lệ phí và đối tượng không thu lệ phí:

a) Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp cổ phần hóa khi chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

b) Không thu lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan Đảng, Đoàn thanh niên và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

4. Cơ quan thu lệ phí:

a) Ở cấp tỉnh: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai thực hiện thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các đơn vị kinh tế trực thuộc doanh nghiệp.

b) Ở cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa thực hiện thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã, hộ kinh doanh.

5. Mức thu lệ phí:

- Mức thu lệ phí cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động:

Đơn vị tính: đồng/1 lần cấp

a)	<i>Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh:</i>	Mức thu
1	Doanh nghiệp tư nhân	100.000
2	Công ty hợp danh	100.000
3	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	200.000
4	Công ty TNHH một thành viên	200.000
5	Công ty cổ phần	200.000
6	Công ty Nhà nước	200.000
7	Chi nhánh, Văn phòng đại diện	20.000
8	Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã	200.000
b)	<i>Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:</i>	Mức thu
1	Hợp tác xã	100.000
2	Hộ kinh doanh	30.000

- Mức thu lệ phí cấp thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động:

Đơn vị tính: đồng/1 lần cấp

a)	<i>Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh:</i>	Mức thu
1	Cấp đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD cho tất cả loại hình doanh nghiệp	20.000
2	Cấp đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD cho Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã	20.000
b)	<i>Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:</i>	Mức thu
1	Cấp đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD cho Hợp tác xã	20.000
2	Cấp đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD cho hộ kinh doanh	20.000

- Mức thu lệ phí cấp bản sao giấy chứng nhận ĐKKD, giấy chứng nhận thay đổi ĐKKD hoặc bản trích lục nội dung ĐKKD:

Đơn vị tính: đồng/1 lần cấp

a)	<i>Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh:</i>	Mức thu
	Các loại hình doanh nghiệp	2.000
b)	<i>Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:</i>	Mức thu
	Hợp tác xã, Hộ kinh doanh	2.000

- Mức thu lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng/1 lần cấp

- Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, - Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:	Mức thu
Cung cấp thông tin về ĐKKD	10.000

6. Mức trích lệ phí:

a) Trích 70% tổng số lệ phí thu được cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai nhằm phục vụ cho công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và hậu kiểm.

b) Trích 50% tổng số lệ phí thu được cho UBND cấp huyện nhằm phục vụ cho công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và hậu kiểm.

7. Chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán lệ phí:

a) Chứng từ thu lệ phí:

Đơn vị, tổ chức thu lệ phí phải lập và cấp biên lai cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định.

b) Thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí:

Định kỳ trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu thực hiện kê khai kết quả số tiền lệ phí thu được của tháng trước gửi cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo mẫu quy định và nộp lệ phí vào ngân sách nhà nước chậm nhất không quá 15 ngày của tháng tiếp theo.

Đối với mức trích để lại cho đơn vị thu phí: Tổ chức thu lệ phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC và các quy định hiện hành về tài chính.

c) Lập dự toán thu chi hàng năm và quyết toán:

Hàng năm, tổ chức thu lệ phí phải lập dự toán thu chi về lệ phí đúng quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán theo Luật Ngân sách nhà nước hiện hành (Dự toán phân khai chi tiết nội dung thu - chi phí đúng quy định và kèm thuyết minh) gửi cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền lệ phí để kiểm soát thu - chi theo quy định hiện hành.

Định kỳ cuối quý, năm tổ chức thu lệ phí phải lập quyết toán lệ phí gửi cơ quan thuế, tài chính cùng cấp để thẩm tra quyết toán và thông báo duyệt quyết toán năm. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền lệ phí chưa chi hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

8. Công khai chế độ thu lệ phí:

Tổ chức thu lệ phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu lệ phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp lệ phí dễ nhận biết theo quy định tại phần Đ, mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính gồm: tên lệ phí, mức thu, chứng từ thu, văn bản quy định thu lệ phí.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các Ban HĐND tỉnh;
 - Trung tâm Công báo tỉnh;
 - Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, KT.
- @DienKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Thái